

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 5 - 2024

V/v: "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Hoà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Mai Phú
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Tiến Quốc - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hoài T**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số 38, đường C, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt tại phiên tòa.*

*Bị đơn:* Ông **Trần Minh T**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Số 38, đường C, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T trình bày: Bà và ông Trần Minh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì kinh tế và quan điểm sống khác biệt, không có tiếng nói chung, cả hai thường xuyên cãi vã nhau. Mọi việc trong gia đình ông T đều dồn đẩy cho bà, không có trách nhiệm với vợ con, khi bà khuyên nhủ thì ông T đập đồ và đòi giết bà. Mặc

dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ và cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không đi đến kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng với ông T không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Minh T.

Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Nguyễn Như Q, sinh ngày 11/3/2017. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Theo bản tự khai và biên bản hoà giải thì ông Trần Minh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Về con chung thì trường hợp bà T cương quyết xin ly hôn thì ông sẽ tôn trọng ý kiến của con. Việc cấp dưỡng nuôi con do vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, ông T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

*Tại phiên tòa*, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T. Về con chung, bà có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông T. Về con chung, giao con chung là Trần Nguyễn Như Q, sinh ngày 11/3/2017 cho bà T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; về việc cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và về nợ chung, cả hai bên xác định không có nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Minh T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hôm nay nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Minh T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình cảm với ông T và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn,

ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T nhưng không tham gia phiên toà, không có động thái muốn hàn gắn và cũng không đưa ra được định hướng cho cuộc sống chung của vợ chồng trong thời gian tới.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã trầm trọng do vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mỗi khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ông Tuấn luôn giải quyết mâu thuẫn vợ chồng bằng hành vi bạo lực nên cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T, xử cho bà T và ông T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Bà T và ông T xác định có 01 con chung là Trần Nguyễn Như Q, sinh ngày 11/3/2017. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con, còn ông T có ý kiến sẽ tôn trọng nguyện vọng của con nếu trường hợp vợ chồng ly hôn. Xét thấy, hiện nay cháu còn nhỏ, là con gái và có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao con chung cho bà T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, bà T và ông T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147 và Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hoài T, xử cho bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Trần Minh T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con Trần Nguyễn Như Q, sinh ngày 11/3/2017 cho bà Nguyễn Thị Hoài T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về việc cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000290 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, bà T đã nộp đủ án phí.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
  - UBND UBND Phường M, tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đã ký và đóng dấu**

**Lê Thị Minh Hoà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Phú – Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**

**Lê Thị Minh Hoà**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND UBND Phường 7,
- tp. Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Minh Hoà**

